

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HS - ST

Ngày 14-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Thị T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố BT, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tiến Q (đã chết), con bà Đỗ Thị T; có chồng anh Bùi Như Q và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 18/5/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình. (Trích xuất có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T:* Luật sư **Nguyễn Hồng T, luật sư **Lê Thu H**, luật sư **Ma Quang S**, thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn CC và TT; Địa chỉ: Phòng 603, tầng 6, 141 HQV, phường ND, quận CG, thành phố HN. (Luật sư T, Luật sư S có mặt, Luật sư H vắng mặt).

* *Bị hại:*

- Chị **Đoàn Thị P**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà 81, khu 5, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Bùi Lê Mai T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phòng 17.12, tầng 17 Chung Cư ĐS, phường LHP, thành phố TB, tỉnh TB (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị **Nguyễn Châu B**, sinh năm 1974; Địa chỉ: 391/28 SVH, phường 12, quận 10, Thành phố HCM (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Trần Hồng A**, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn BC, xã TT, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

- Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn LB, xã TX, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

- Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn NH, xã TH, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

- Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn BL, xã TN, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT: Số 01 ngách 02/91, HĐ, phường BT, thành phố NĐ, tỉnh NĐ; Địa chỉ: Số 01, ngách 101, ngõ 337, phường ĐC, quận HM, thành phố HN (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố HĐ 4, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

- Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 64A, tổ dân phố số 6, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (vắng mặt).

- Anh **Lê Văn K**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà 81, tổ dân phố số 5, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (vắng mặt).

- Anh **Bùi Như Q**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố BT, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có thửa đất, không giao dịch với ai để mua đất, nhưng do cần tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân, Vũ Thị T tìm hiểu trên zalo biết được thông tin các thửa đất rồi nói dối với mọi người T đang kinh doanh bất động sản là đất đai và đã mua được các thửa đất với giá thấp, bán được giá cao hơn, nhưng không đủ tiền mua đất nên rủ những người thân quen, bạn bè góp vốn cùng kinh doanh, bằng

hình thức thông qua việc ký kết hợp đồng góp vốn cùng kinh doanh mua bán bất động sản, đất đai. T hứa hẹn với những người “góp vốn kinh doanh” khi bán được thửa đất T sẽ trả tiền gốc và chia lãi cho những người đã góp vốn. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, Vũ Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt của 8 người với tổng số tiền 32.216.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của chị Đoàn Thị P, sinh năm 1994, trú tại số nhà 81, khu 5, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB 14.506.000.000 đồng

Lần thứ nhất: Do có quen biết với chị Đoàn Thị P từ trước, ngày 31/10/2021, T gọi điện thoại nói dối chị P là T đang thỏa thuận với ông Khúc Ngọc Đ, sinh năm 1961, trú tại tổ dân phố HD 3, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB để mua thửa đất số 641, tờ bản đồ số 72, diện tích 112m², địa chỉ tổ dân phố BT, thị trấn DD, huyện TT với giá 2.400.000.000 đồng và T đã tìm được người mua lại lô đất là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố HD 4, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB mua với giá 2.580.000.000 đồng, nhưng do T không đủ tiền nên rủ chị P góp vốn 1.200.000.000 đồng, trong thời gian góp vốn từ 15 đến 20 ngày bán thửa đất cho chị H, T trả cho chị P 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi. Tin tưởng T ngày 31/10/2021 và 01/11/2021, chị P 05 lần chuyển khoản tổng 1.200.000.000 đồng từ số tài khoản 10868927*** của chị P đến số tài khoản 868686*** của T mở tại Ngân hàng Quân đội. Ngày 31/10/2021, T cùng chị P lập “Hợp đồng v/v góp vốn kinh doanh mua bất động sản, đất đai” theo nội dung đã thỏa thuận, T ký tên, điểm chỉ và giao hợp đồng cho chị P giữ. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 2: Ngày 01/11/2021, T nói dối với chị P, T mua được thửa đất số 138, tờ bản đồ số 23, diện tích 68m², địa chỉ ngõ 5, BST, tổ 14, phường TP, thành phố TB và đã bán lại cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, trú tại số nhà 44, tổ 6, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB với giá hơn 3.000.000.000 đồng, đã đặt cọc 1.000.000.000 đồng, hiện T còn thiếu 1.000.000.000 đồng, rủ chị P góp vốn 1.000.000.000 đồng, trong thời gian 30 ngày bán thửa đất T trả cho chị P 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 110.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 03/11/2021, chị Phụng 04 lần chuyển khoản tổng 1.000.000.000 đồng từ số tài khoản 10868927*** của chị P đến số tài khoản 109850189*** của T mở tại Ngân hàng VietinBank. Ngày 03/11/2021, T cùng chị P lập “Hợp đồng v/v góp vốn kinh doanh mua bất động sản, đất đai” theo nội dung thỏa thuận, T ký tên, điểm chỉ và giao hợp đồng cho chị P giữ. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 3: Ngày 09/11/2021, T gọi điện nói dối chị P, T mua được thửa đất số 287, tờ bản đồ số TD05- 2014, diện tích 328,5m², địa chỉ thôn HT, xã TD, huyện TT của anh Trần Tiến D, sinh năm 1978, trú tại thôn DH, xã TP, huyện TT, tỉnh TB với giá 2.400.000.000 đồng và đã tìm được người mua thửa đất, nhưng T

còn thiếu 1.200.000.000 đồng, nếu chị P góp vốn 1.200.000.000 đồng, thời gian góp vốn 30 ngày bán được thửa đất, T trả cho chị P 1.200.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 12/11/2021, chị P 05 lần chuyển khoản tổng 1.200.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của T mở tại Ngân hàng VietinBank. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 4: Ngày 07/11/2021, T gọi điện thoại nói dối chị P là anh anh Phạm Văn Q, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố số 6, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB đang bán thửa đất số 731, tờ bản đồ số 20, diện tích 99,1m², địa chỉ thôn BH, xã TH, huyện TT với giá 3.500.000.000 đồng, T đã tìm được người mua là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố H đội 4, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB nhưng còn thiếu 2.000.000.000 đồng, nếu chị P góp vốn 2.000.000.000 đồng, thời gian góp vốn từ 20 đến 25 ngày, T bán thửa đất cho chị H, sẽ trả cho chị P 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 11/11/2021, chị P 07 lần chuyển khoản 2.000.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của T mở tại Ngân hàng VietinBank. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 5: Ngày 11/11/2021, T gọi điện thoại nói dối chị P, T mua được thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11, diện tích 467m², địa chỉ thôn TC, xã TH, huyện TT của anh Trần Tiến D, sinh năm 1978, trú tại thôn ĐH, xã TP, huyện TT, tỉnh TB với giá 1.500.000.000 đồng và đã tìm được người mua thửa đất trên với giá 1.750.000.000 đồng và đã đặt cọc 100.000.000 đồng, hiện T còn thiếu 700.000.000 đồng, nếu chị P góp vốn 700.000.000 đồng, trong thời gian góp vốn 25 đến 30 ngày, T bán thửa đất trả cho chị P 700.000.000 đồng tiền gốc và 103.500.000 đồng tiền lãi. Ngày 14/11/2021, chị P 03 lần chuyển 700.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của T mở tại Ngân hàng VietinBank. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 6: Tháng 10 năm 2021, được chị P gửi hình ảnh ghi thông tin về chủ sử dụng các lô đất tại Dự án phát triển nhà ở Thương mại tại xã TH, huyện TT, thấy thửa đất số N01-25, N01-26 thuộc Dự án ghi tên chủ sử dụng là anh Lê Ngọc M. Ngày 15/11/2021, nói dối chị P về việc anh Lê Ngọc M, có nhu cầu bán 02 thửa đất trên, hiện và chị Đinh Thị N là nhân viên Trung tâm Viettel đã hỏi mua được của anh Lê Ngọc M với giá 3.250.000.000 đồng và tìm được lãnh đạo của chị N (nhưng không nói rõ tên) mua lại với giá là 4.050.000.000 đồng. Nếu chị P góp vốn 3.250.000.000 đồng, sau 20 ngày bán thửa đất trả cho chị P 3.250.000.000 đồng tiền gốc và 600.000.000 đồng tiền lãi, và chị N mỗi người lấy 100.000.000 đồng tiền công môi giới đất. Ngày 16/11/2021, chị P 11 lần chuyển khoản tổng 3.250.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của mở tại Ngân hàng VietinBank. Do số tiền 3.250.000.000 đồng chị P mượn của anh Lê Văn K, sinh năm 1971, trú tại số nhà 81, khu 5, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB (là chồng chị P) nên chị P yêu cầu viết hợp đồng góp vốn mang tên anh Lê Văn K ghi ngày

17/11/2021. Đề chị P tin tưởng, tự lập thảo hợp đồng mua bán, tự ký giả tên anh M và chị N trên hợp đồng rồi gửi hình ảnh hợp đồng qua Zalo cho chị P. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 7: Ngày 16/11/2021, nói dối chị P: cùng chị Vũ Thị H, sinh năm 1985, trú tại số nhà 64A, tổ dân phố số 6, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB và chị Đinh Thị N, sinh năm 1986, trú tại thôn LB, xã TX, huyện TT, tỉnh TB góp vốn mua 03 thửa đất số N02-27; số N02-28; số N02-29 thuộc Dự án phát triển nhà ở Thương mại tại xã TH, huyện TT diện tích 240m² và rủ chị P góp vốn mua cùng. nói dối, , chị H và chị N đã góp vốn mua chung 02 thửa đất còn chị P mua 01 thửa đất, giá trị mỗi thửa là 2.040.000.000 đồng và đã tìm được người mua 03 thửa đất này là bạn của chị N, chị H. Nếu chị P góp vốn 2.040.000.000 đồng, trong thời gian từ 25 đến 30 ngày, bán được đất trả cho chị P 2.040.000.000 đồng tiền gốc và 270.000.000 đồng tiền lãi. Chị H và chị N có trách nhiệm làm hợp đồng mua bán đất cho chị P. Ngày 17/11/2021, chị P 04 lần chuyển khoản tổng 608.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của mở tại Ngân hàng VietinBank, cộng với 1.420.000.000 đồng đối trừ khoản nợ mà vay chị P trước đó và 12.000.000 đồng còn nợ chị P. Sau đó, tiếp tục nói dối với chị P: Do chị N đang cần tiền để trả khoản nợ đã vay đã dùng thẻ ngành của chồng chị N làm ở Huyện TT thế chấp, nên chị N không góp vốn mua 02 thửa đất nữa. Nếu chị P góp vốn vào suất của chị N, mỗi thửa góp 680.000.000 đồng, tổng 02 thửa là 1.360.000.000 đồng, sau 25 đến 30 ngày bán được đất, trả cho chị P 1.360.000.000 đồng tiền gốc và 210.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 17, 18, 20/11/2021 chị P đã chuyển khoản tổng 1.360.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của mở tại Ngân hàng VietinBank. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 8: Tháng 7 năm 2021, biết xã PX, thành phố TB có thửa đất đang bán vào ngày 14/11/2021, nói dối chị P: có quen biết với một người nam giới làm Công an thành phố TB, hiện và người này đang góp vốn mua một số thửa đất tại thành phố TB, trong đó có thửa đất tại xã PX, đã tìm được người mua lại thửa đất này (không nói thửa đất ở đâu), hiện đang thiếu 1.300.000.000 đồng, nếu chị P góp vốn 1.300.000.000 đồng thì sau 10 ngày bán thửa đất trả cho chị P 1.300.000.000 đồng tiền gốc và 85.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 19/11/2021, chị P 05 lần chuyển khoản tổng 1.300.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của mở tại Ngân hàng VietinBank. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 9: Tháng 9 năm 2021, biết thửa đất số 199, tờ bản đồ số 16, diện tích 63m², địa chỉ tổ dân phố số 8, thị trấn DĐ đang bán. Ngày 20/11/2021, nói dối chị P là ngày 12/11/2021, và chị Vũ Thị H, chị Đinh Thị N, góp vốn mua thửa đất trên và đã tìm được khách mua. Trong đó, chị N góp vốn 456.000.000 đồng, sau 20 đến 25 ngày chị N nhận 30.000.000 đồng tiền lãi, nhưng do chị N đang cần tiền để trả tiền thế chấp thẻ ngành cho chồng chị N, nên rủ chị P góp vốn thay vào suất

của chị N. Nếu chị P góp vốn sau 12 ngày bán thửa đất, trả cho chị P 456.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 21/11 và 22/11/2021, chị P 02 lần chuyển khoản tổng 456.000.000 đồng đến số tài khoản 109850189*** của T. Nhận tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

2. Chiếm đoạt của chị Bùi Lê Mai T, sinh năm 1992, trú tại phòng 17.12, tầng 17 Chung Cư ĐS, phường LHP, thành phố TB 1.050.000.000 đồng

Ngày 28/10/2021, T nói dối chị Bùi Lê Mai T: T mua được thửa đất số 640, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tổ dân phố BT, thị trấn DĐ, huyện TT của ông Khúc Ngọc Đ, sinh năm 1961, trú tại tổ dân phố HĐ 3, thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB với giá 2.400.000.000 đồng, T đã tìm được khách mua với giá 2.550.000.000 đồng và họ đã đặt cọc 300.000.000 đồng, nếu chị MT góp vốn 1.050.000.000 đồng, sau 20 ngày, T bán thửa đất trả cho chị MT 1.050.000.000 đồng tiền gốc và 75.000.000 đồng lãi. Ngày 28/10 và 29/10/2021 chị MT đã chuyển khoản tổng 1.050.000.000 đồng từ số tài khoản của chị MT đến số tài khoản của T mở tại VietinBank TB. Sau khi nhận tiền, và chị MT lập “*Hợp đồng góp vốn v/v góp vốn kinh doanh mua bất động sản, đất đai*” theo nội dung thỏa thuận, ký tên, điểm chỉ và giao hợp đồng cho chị MT giữ. Nhận được tiền, T đem trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

3. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Châu B, sinh năm 1974, trú tại 391/28 SVH, phường 12, quận 10, Thành phố HCM 8.330.000.000 đồng

Lần thứ nhất: Ngày 13/4/2021, chị Vũ Thị N sinh năm 1985, trú tại số 503, NVC, phường GT, quận LB, thành phố HN (là bạn của chồng) dẫn chị Nguyễn Châu B về nhà ở thị trấn DĐ chơi. nói với chị B: Ở TB là thị trường đầu tư kinh doanh bất động sản lãi cao, vợ chồng đang là người có kinh nghiệm đầu tư kinh doanh đất đai lâu năm, có uy tín tại địa phương nên có thể tin tưởng hợp tác đầu tư. bảo chị B nếu đồng ý góp vốn với T sẽ dẫn đi xem đất và mua hộ chị B và sẽ tìm người bán. Ngày hôm sau, dẫn chị B đi xem đất ở xã TT, huyện TT, nói với chị B là khu đất này đã chia thành 11 lô nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang chờ đấu giá, mỗi lô đất bán khoảng 575.000.000 đồng, nếu chị B đồng ý mua thì giao tiền cho T, để T làm thủ tục đấu giá 11 lô đất này và 11 lô đất này đã có người đặt cọc 550.000.000 đồng cho T, nếu chị B đồng ý giao 6.330.000.000 đồng cho T thì trong vòng 15 đến 20 ngày, T bán 11 lô đất trừ chi phí sẽ trả cho chị B 6.330.000.000 đồng tiền gốc và 350.000.000 đồng tiền lãi. Chị B đồng ý. Ngày 13/4/2021, chị B và T ra ngân hàng Quân đội chi nhánh huyện TT để làm uỷ nhiệm chi và chuyển tiền từ số tài khoản 8688688683*** của chị B đến số tài khoản 868686*** của T tổng số tiền 6.330.000.000 đồng và T viết cho chị B 01 giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận tiền, T không tham gia đấu giá 11 lô đất trên, không giao dịch với bất cứ ai để mua 11 lô đất này mà sử dụng trả nợ, chi tiêu cá nhân hết. Sau 15 ngày chị B gọi điện hỏi về việc mua bán 11 lô đất thì T nói dối đã

bán được 11 lô đất trên sẽ chuyển cho chị B tiền gốc và tiền lãi. Từ ngày 06/5/2021 đến ngày 12/5/2021, Thục đã nhiều lần chuyển khoản trả cho chị B được 4.780.000.000 đồng, chiếm đoạt 1.550.000.000 đồng

Lần thứ 2: Ngày 12/5/2021, gọi điện thoại nói dối chị B có 06 thửa đất số 612, 613, 614, 615, 616, 617, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn VHT, xã TH, huyện TT đấu giá mỗi lô đất 720.000.000 đồng/lô, tổng 06 lô là 4.320.000.000 đồng, đã có người đặt cọc cho 420.000.000 đồng mua hết 6 lô đất trên, chị B chỉ cần bỏ thêm 2.000.000.000 đồng cùng với 1.900.000.000 đồng (tính cả lãi) tiền chưa thanh toán hết của 11 lô đất trước. Trong thời gian từ 15 đến 20 ngày, bán được đất sẽ trả cho chị B 3.900.000.000 đồng tiền gốc và 400.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 12/5/2021, chị B chuyển khoản 2.000.000.000 đồng vào tài khoản 868686*** mở tại ngân hàng Quân đội. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết. Quá thời hạn T đã không thực hiện như đã cam kết chị B đã nhiều lần đòi tiền. Từ ngày 17/6/2021 đến ngày 30/11/2021, T đã chuyển trả cho chị B tổng 3.140.000.000 đồng, chiếm đoạt 410.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của anh Trần Hồng A, sinh năm 1994, trú tại thôn BC, xã TT, huyện Thái TT 5.080.000.000 đồng

Lần thứ nhất: Ngày 03/8/2021, gọi điện nói dối anh Trần Hồng A có thửa đất 646, tờ bản đồ số 19, diện tích 112m², địa chỉ tại cánh đồng M, thị trấn DĐ, huyện TT bán với giá 2.200.000.000 đồng, đã tìm được người mua với giá cao nhưng do không có đủ tiền nên bảo anh Trần Hồng A cùng góp vốn với 1.100.000.000 đồng để kinh doanh, trong vòng 40 ngày bán thửa đất trả cho Trần Hồng A 1.100.000.000 đồng tiền gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi. Tin tưởng, ngày 03/8/2021, anh Trần Hồng A trực tiếp giao tiền cho 1.100.000.000 đồng và khi nhận tiền viết một “*Giấy biên nhận tiền đặt cọc v/v chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất*” ký tên, điểm chỉ. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 2: Ngày 13/8/2021, T gọi điện nói dối anh Trần Hồng A: mua 02 thửa đất số 21, số 22, tờ bản đồ số TĐ 01-2014, diện tích 150 m²/lô, địa chỉ thôn TT, xã HD, huyện TT, nhưng không đủ tiền nên rủ anh Trần Hồng An góp vốn 800.000.000 đồng, thời hạn góp vốn sau 20 ngày bán được thửa đất, trả anh Trần Hồng A 800.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 13/8/2021, anh Trần Hồng A giao cho Thục 800.000.000 đồng và viết hợp đồng góp vốn như đã thỏa thuận. Nhận tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân. Đến hạn đã trả lại cho anh Trần Hồng Anh 410.000.000 đồng, chiếm đoạt 390.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 20/8/2021, Thục tiếp tục nói dối anh Trần Hồng A: mua được thửa đất số 168, tờ bản đồ số 7, địa chỉ khu 6, thị trấn DĐ, huyện TT, diện tích 53,9 m² với giá rẻ, đã tìm được người mua, nhưng do không đủ tiền đặt cọc,

rủ anh Trần Hồng A góp vốn 500.000.000 đồng và thỏa thuận sau 30 ngày bán được thửa đất 2 bên sẽ thu về tiền lãi là 200.000.000 đồng. Ngày 20/8/2021, anh Trần Hồng A giao trực tiếp cho 500.000.000 đồng và có viết cho anh Trần Hồng A 01 hợp đồng góp vốn như đã thỏa thuận. Nhận được tiền, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 4: Ngày 31/8/2021, T nói dối anh Trần Hồng A: T mua 02 thửa đất số 356 và 357, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thôn VHT, xã TH, huyện TT, diện tích 150 m²/lô, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn B, sinh năm 1975, trú tại thôn ĐH, xã TP, huyện TT và đã tìm được người mua với giá cao nhưng do không có đủ tiền để đặt cọc nên bảo anh Trần Hồng A góp 640.000.000 đồng/lô, tổng 02 lô là 1.280.000.000 đồng và thỏa thuận sau 20 ngày bán được 02 lô đất, trả anh Trần Hồng A 1.280.000.000 đồng tiền gốc và 140.000.000 đồng lãi. Ngày 31/8/2021, anh Trần Hồng A giao cho T 1.280.000.000 đồng và viết cho anh Trần Hồng A 01 hợp đồng góp vốn như đã thỏa thuận. Nhận được tiền, đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 5: Ngày 05/9/2021, T nói dối anh Trần Hồng A: T mua được thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thôn BH, xã TH, huyện TT, diện tích 114m², đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã tìm được người mua, rủ anh Trần Hồng A góp 850.000.000 đồng và thỏa thuận sau 20 đến 25 ngày, bán được lô đất sẽ trả cho anh Trần Hồng A tiền gốc và 200.000.000 đồng lãi. Ngày 05/9/2021, anh Trần Hồng A giao cho 850.000.000 đồng và viết cho anh Trần Hồng A 01 hợp đồng góp vốn như đã thỏa thuận. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 6: Tháng 10/2021, T cùng chồng là anh Bùi Như Q, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố BT, thị trấn DĐ, huyện TT và anh Trần Hồng A cùng ăn uống tại quán lẩu nướng gần nhà, do cần tiền để trả nợ nên có nói dối anh Trần Hồng A cùng góp vốn để mua chung một căn nhà ở thị trấn DĐ, huyện TT, tỉnh TB với số tiền 550.000.000 đồng, nhưng anh Trần Hồng A bảo không góp vốn, đã bảo anh Trần Hồng A vay hộ 550.000.000 đồng, mục đích của là để anh Trần Hồng A cho vay rồi chiếm đoạt, anh Trần Hồng A tin vay tiền để mua nhà nên đồng ý cho vay và giao cho 550.000.000 đồng. Nhận được tiền, đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

5. Chiếm đoạt của chị Đinh Thị N, sinh năm 1986, trú tại thôn LB, xã TX, TT, TB 1.480.000.000 đồng và chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982, trú tại thôn NH, xã TH, TT, TB 330.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2021, T nói dối chị Đinh Thị N hiện có thửa đất số 356, tờ bản đồ số 88, diện tích 100m², địa chỉ thôn NH, xã DHT, huyện TT, tỉnh TB có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H bán với giá 1.250.000.000 đồng và đã có người đặt cọc cho T 100.000.000 đồng để mua với giá 1.360.000.000 đồng, nhưng do T không có đủ tiền mua lô đất nên T rủ

chị ĐTN góp vốn 1.150.000.000 đồng, sau 20 ngày T bán thửa đất sẽ trả cho chị ĐTN 1.360.000.000 đồng. Tin tưởng T, ngày 25/10/2021 chị ĐTN 03 lần chuyển khoản tổng 1.150.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của T mở tại Ngân hàng Quân đội và viết cho chị ĐTN 01 giấy biên nhận tiền mua bán nhà đất như nội dung thỏa thuận. Cùng ngày 25/10/2021, nói dối chị Đinh Thị N và chị Đỗ Thị T: T mua được thửa đất số 287, tờ bản đồ số TĐ05- 2014, diện tích 328,5m² địa chỉ thôn HT, xã TD, huyện TT, của anh Trần Tiến D, sinh năm 1978, trú tại thôn ĐH, xã TP, huyện TT với giá 800.000.000 đồng và đã tìm được người mua thửa đất trên, hiện còn thiếu 660.000.000 đồng, nếu chị ĐTN, chị ĐTT góp vốn mỗi người 330.000.000 đồng, thời gian góp vốn là 30 ngày, sau khi bán đất T sẽ trả cho chị ĐTN, chị ĐTT toàn bộ tiền gốc và mỗi người 65.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 25/10/2021, chị ĐTN đã chuyển khoản từ số tài khoản của chị ĐTN đến số tài khoản của T 660.000.000 đồng. T viết cho chị ĐTT, chị ĐTN mỗi người 01 hợp đồng góp vốn với nội dung như thỏa thuận. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết. Đến hạn chị ĐTN, chị ĐTT yêu cầu T trả tiền thì T đã viện lý do đang làm thủ tục tách 03 thửa nên chưa bán được. Ngày 19/11, 25/11 và ngày 30/11/2021, trả cho chị ĐTN được 650.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị ĐTN 830.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị ĐTT 330.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị N, sinh năm 1995, trú tại thôn BL, xã TN, TT, TB 680.000.000 đồng.

Lần thứ nhất: Ngày 13/12/2021, T gọi điện nói dối chị Phạm Thị N: Có thửa đất số 287, tờ bản đồ số TĐ05- 2014, diện tích 328,5m², địa chỉ thôn Hậu Trữ, xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, chủ đất bán với giá rẻ và đã tìm được người mua với giá cao nếu chị PTN góp 230.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 13/12/2021 đến ngày 26/12/2021, bán thửa đất sẽ trả cho chị PTN tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi. Ngày 13/12/2021, chị PTN chuyển khoản 230.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của T mở tại Ngân hàng Quân đội. Sau khi chuyển tiền, T viết cho chị PTN 01 hợp đồng góp vốn với nội dung như thỏa thuận. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 2: Ngày 22/12/2021, T gọi điện nói dối chị Phạm Thị N có thửa đất số 475, tờ bản đồ số 17, diện tích 137,5m², địa chỉ xã HA, huyện TT đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ đất bán với giá rẻ, đã tìm được người mua với giá cao, nếu chị PTN góp 200.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 22/12/2021 đến ngày 02/01/2022, bán thửa đất sẽ trả chị Nguyên tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 22/12/2021, chị PTN chuyển khoản 200.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của T mở tại Ngân hàng Quân đội. Sau khi chuyển tiền, T viết cho chị PTN 01 hợp đồng góp vốn với nội dung đã thỏa thuận. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 3: Ngày 25/12/2021, T gọi điện nói dối chị Phạm Thị N: Có thửa đất số 290, tờ bản đồ số 71, diện tích 100 m², địa chỉ thôn BĐ, xã DHT, huyện TT đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bán với giá rẻ, đã tìm được người mua lại với giá cao nếu chị PTN góp 250.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 25/12/2021 đến ngày 15/01/2022, bán thửa đất sẽ trả cho chị PTN 250.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 25/12/2021, chị PTN chuyển khoản 250.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của mở tại Ngân hàng Quân đội và T viết cho chị PTN 01 hợp đồng góp vốn với nội dung đã thoả thuận. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết

7. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, trú tại số 1 ngách 2/91, HĐ, phường BT, thành phố ND 760.000.000 đồng.

Lần thứ nhất: Do cần tiền để trả nợ, ngày 15/11/2021, gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị T (là chị họ của), nói dối: đang kinh doanh bất động sản nên rất cần tiền để làm ăn, bảo với chị NTT đang cần 200.000.000 đồng để kinh doanh lướt đất, nếu NTT có tiền thì cho vay và sẽ trả lãi cho chị NTT với lãi xuất cao hơn ngân hàng 5 triệu đồng/tháng và hẹn khi nào cần rút tiền gốc thì báo trước 01 tháng, sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Mục đích của là để chị NTT cho vay rồi chiếm đoạt, ngày 15/11/2021, chị NTT 02 lần chuyển khoản tổng 200.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của mở tại Ngân hàng Quân đội. Nhận được tiền, T đem trả nợ, chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 2: Ngày 29/11/2021, gọi điện thoại, nhắn tin cho chị NTT nói dối: Hiện tại, đang mua thửa đất ở thị trấn DĐ, huyện TT do không có đủ tiền để mua lô đất này, nếu chị NTT có tiền góp 120.000.000 đồng trong vòng 1 tháng bán được sẽ trả cho chị NTT tiền gốc và tiền lãi khoảng từ 6 đến 7 triệu đồng. Tin lời, ngày 29/11/2021 chị NTT chuyển khoản 120.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của mở tại ngân hàng Quân đội. Nhận được tiền, T đem trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 3: Ngày 06/01/2022, tiếp tục gọi điện thoại cho NTT nói dối có anh Trường công an xã bán lô đất đẹp, đã mua, nhưng không có đủ tiền để đầu tư, đã có người đặt cọc để mua lô đất này với giá cao. nói với NTT: Máy chị em trong gia đình mỗi người góp vào một ít sau mấy ngày bán có lãi sẽ chia nhau, nếu chị NTT góp 230.000.000 đồng, trong thời gian 1 tháng, bán được lô đất này sẽ chia lợi nhuận. Chị NTT đồng ý. Ngày 06/11/2022, chị NTT chuyển khoản 230.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của mở tại ngân hàng Quân đội. Ngày 07/01/2022, gọi điện thoại nói dối chị NTT: Thửa đất hôm qua chủ đất nói phải đặt cọc trước cho họ, do chưa đủ tiền để đặt cọc nên nói với chị Thư chuyển thêm 50.000.000 đồng cho, đồng thời nhắn tin bảo NTT chuyển vào số tài khoản 12910000292*** của anh Trần Thu N (nội dung chuyển tiền ghi: Em chuyển

khoản). Sau khi chị NTT chuyển tiền vào tài khoản của anh N, thì tiếp tục gọi điện thoại cho chị NTT nói: Cần thêm 160.000.000 đồng để đặt cọc lô đất trước đó, nếu không chủ đất sẽ không bán cho và sẽ bị mất 200.000.000 đồng đã đặt cọc. Ngày 07/01/2022, chị NTT tiếp tục chuyển khoản 160.000.000 đồng đến số tài khoản 868686*** của T. Nhận được 440.000.000 đồng, T đem trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền Vũ Thị T chiếm đoạt của 8 người là 32.216.000.000 đồng, gồm: chị Đoàn Thị P 14.506.000.000 đồng, chị Bùi Lê Mai T 1.050.000.000 đồng, chị Nguyễn Châu B 8.330.000.000 đồng, Trần Hồng A 5.080.000.000 đồng, chị Đinh Thị N 1.480.000.000 đồng, chị Phạm Thị N 680.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T 760.000.000 đồng và chị Đỗ Thị T 330.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 10/KL-KLHS (TL) ngày 21/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB, kết luận: “ - Chữ ký, chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A10, A11 (trừ chữ viết 100.000.000đ bằng mực xanh) từ A12 đến A15, A16 (trừ chữ viết “Q” ở dòng thứ 10 tính từ trên xuống dưới và chữ viết “chồng: Q Bùi Như Q” tại mặt trước, chữ viết “Q, Bùi Như Q” tại mặt sau), A17 (trừ chữ viết “chồng Q Bùi Như Q), A18 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị T trên các mẫu so sách ký hiệu từ M1 đến M11 do cùng một người ký, viết ra”.

Kết luận giám định số 03/KL-KLHS (ĐV) ngày 28/2/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB, kết luận: “- Vân tay điểm chỉ trên các mẫu cần giám định A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A13, A15 đường vân mờ nhòe không đủ yếu tố giám định với mẫu so sách ký hiệu M1.

- Vân tay điểm chỉ trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1, A2, A3, A12, A14, A16, A17, A18 với vân tay điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải trên biên bản làm việc ngày 15/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB về việc: Thu thập mẫu chữ viết, chữ ký và mẫu điểm chỉ của bà Vũ Thị T, sinh ngày 18/12/1991, trú tại khu ĐM, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB (ký hiệu M1) do cùng 01 người in ra”.

Kết luận giám định số 11/KL-KLHS (ĐV) ngày 29/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “- Vân tay điểm chỉ trên các mẫu cần giám định ký hiệu: A2, A3, A4, A5, A6, A10 đặc điểm đường vân mờ nhòe không đủ yếu tố giám định so sách với mẫu M1.

- Vân tay điểm chỉ trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1, A5, A11, A12, A14 với vân tay điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải trên biên bản làm việc ngày 15/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB về việc: Thu thập mẫu chữ viết, chữ ký và mẫu điểm chỉ của bà Vũ Thị T sinh ngày 18/12/1991, trú tại khu ĐM, thị trấn DD, huyện TT, tỉnh TB (ký hiệu M1) do cùng một người in ra”.

- Kết luận giám định số 164/KTHS (TL) ngày 12/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB, kết luận: “*Chữ viết, chữ ký trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A14 (trừ chữ viết, chữ ký dưới các mục Bên B, Người làm chứng, “bên giao tiền (ký và ghi rõ họ tên)”, “Bên làm chứng (ký và ghi rõ họ tên)” so với chữ viết, chữ ký của Vũ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người viết, ký ra*”.

- Bản cáo trạng số 20/CT-VKSTB ngày 19 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Thị phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại như sau: Chị Đoàn Thị P 11.171.000.000 đồng; chị Bùi Lê Mai T 1.050.000.000 đồng, chị Nguyễn Châu B 410.000.000 đồng; anh Trần Hồng A 4.170.000.000 đồng; chị Đinh Thị N 830.000.000 đồng; chị Phạm Thị N 595.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T 760.000.000 đồng và chị Đỗ Thị T 330.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh đã qua sử dụng; trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim số 89840480003330819*** của Vũ Thị T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã kết luận.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T trình bày: Nhất trí với tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện việc bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả, hai con bị cáo vẫn còn nhỏ, ông bà ngoại có huân huy chương, để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội kiếm tiền để bồi thường thiệt hại đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1

Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

-Những người bị hại có mặt tại phiên tòa trình bày: Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung của cáo trạng. Những người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo còn chiếm đoạt của các bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra và xin lỗi đối với các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB, Kiểm sát viên, các Luật sư bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Đơn tố cáo của những người bị hại chị Đoàn Thị P, chị Nguyễn Châu B, anh Trần Hồng A, chị Đinh Thị N, chị Phạm Thị N, chị Nguyễn Thị T, chị Đỗ Thị T; Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 16h5' ngày 08/01/2022 quản lý của chị Đoàn Thị P các hợp đồng góp vốn về việc kinh doanh mua bất động sản đất đai giữa Vũ Thị T và chị P; 02 giấy biên nhận tiền ghi ngày 15/11/2021 và ngày 18/11/2021; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 11h5' ngày 23/7/2022 quản lý của chị Nguyễn Châu B 01 giấy giao nhận tiền mua bán đất ghi ngày 11/5/2021 giữa Nguyễn Châu B với Vũ Thị T và các tài liệu khác kèm theo; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 7h30' ngày 31/5/2022 quản lý của Trần Hồng A 04 hợp đồng góp vốn và 02 giấy biên nhận tiền cọc; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 14h15' ngày 23/01/2022 quản

lý tài liệu của chị Đinh Thị N 01 hợp đồng góp vốn ngày 25/10/2021 giữa Vũ Thị T và Đinh Thị N và 01 giấy giao nhận tiền ngày 25/10/2021; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 16h20' ngày 20/7/2022 quản lý của chị Phạm Thị N: tài liệu thể hiện việc chuyển tiền qua tài khoản của chị N đến tài khoản của và 06 hợp đồng góp vốn kinh doanh mua đất giữa Vũ Thị T và chị N; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 14h20' ngày 22/01/2022 quản lý của chị Đỗ Thị T 01 hợp đồng góp vốn ngày 25/10/2021 giữa Vũ Thị T và chị Đỗ Thị T và 01 sao kê tài khoản của chị Đỗ Thị T; Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB lập hồi 8h ngày 10/5/2022 quản lý của chị Nguyễn Thị T tài liệu thể hiện nội dung chị Nguyễn Thị T chuyển tiền cho Vũ Thị T; Kết luận giám định số 10/KL-KLHS (TL) ngày 21/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 03/KL-KLHS (ĐV) ngày 28/2/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 11/KL-KLHS (ĐV) ngày 29/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 164/KTHS (TL) ngày 12/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Các bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản số 108868927*** của chị Đoàn Thị P; số 8688688683*** của chị Nguyễn Châu B; số 0403351839*** của anh Trần Hồng A; số 7550100482*** của chị Đinh Thị N; Biên bản làm việc lập hồi 14 h05' ngày 13/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tại Chi nhánh Văn phòng đất đai thành phố Thái Bình; Biên bản làm việc các ngày 12/01/2022; 20/7/2022; 18/10/2022, 16/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tại Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Thái Thụy; Biên bản quản lý và niêm phong điện thoại của Vũ Thị T và tài liệu mở niêm phong điện thoại; Biên bản xác minh lập ngày 10/10/2022 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình tại Văn Phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và môi trường; Biên bản làm việc lập ngày 20/7/2022 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình tại Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện TT; Biên bản xác minh lập ngày 18/10/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TB tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thái Thụy; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, bị cáo Vũ Thị T đã đưa ra rất nhiều thông tin gian dối với những người bị hại về việc bị cáo đang thực hiện rất nhiều giao dịch, mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất với rất nhiều người (mua đi bán lại) để kiếm lời. Sau đó bị cáo dùng thủ đoạn rêu ruyền những người bị hại góp vốn, nguy tạo bằng việc giao kết hợp đồng góp vốn bằng văn bản giữa bị cáo và người bị hại để tạo lòng tin với những người bị hại, sau khi những người bị hại chuyển tiền cho bị cáo, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích trả nợ và chi tiêu cá nhân của bị

cáo. Bằng những thủ đoạn trên bị cáo đã chiếm đoạt của chị Đoàn Thị P 09 lần với tổng số tiền là 14.506.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Bùi Lê Mai T 01 lần là 1.050.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Châu B 02 lần với tổng số tiền là 8.330.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Trần Hồng A 06 lần với tổng số tiền là 5.080.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đinh Thị N số tiền là 1.480.000.000 đồng và chị Đỗ Thị T 330.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Phạm Thị N 03 lần với tổng số tiền là 680.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T 03 lần với tổng số tiền là 760.000.000 đồng. Như vậy bị cáo đã 25 lần thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của 08 người bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt là 32.216.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 174: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền rất lớn, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thị T cho rằng bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục một phần thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy các khoản tiền bị cáo trả lại cho bị hại

đều được thực hiện trước khi thụ lý tin báo và có quyết định khởi tố vụ án, trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và gia đình bị cáo không bồi thường cho những người bị hại thêm khoản tiền nào. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo về áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên có thể xem xét trước khi bị khởi tố bị cáo cũng đã có ý thức hoàn trả một phần số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại, làm giảm bớt hậu quả thiệt hại xảy ra, vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra Luật sư bào chữa cho bị cáo còn cho rằng gia đình bị cáo (ông bà ngoại) bị cáo được tặng thưởng huân huy chương, thuộc diện gia đình có công với đất nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo, luật sư không đưa ra được chứng cứ nào xác định gia đình bị cáo có công với đất nước, nên đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ này không được chấp nhận.

[5] Về tính chất mức độ hành vi và mức hình phạt đối với bị cáo, xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhiều lần sử dụng thủ đoạn gian dối với cùng phương thức, cách thức như nhau, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn và rất lớn của nhiều bị hại, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, tinh thần và cuộc sống gia đình của mỗi bị hại, gây rối loạn, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, phương hại đến hoạt động kinh doanh hợp pháp trong thị trường bất động sản, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng, được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù cao nhất trong khung hình phạt, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời là bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất trong khung hình phạt là không phù hợp với tính chất mức độ hành vi đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo, do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo hiện nay gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị cáo mất việc làm, không có thu nhập, gia đình còn hai con nhỏ, do đó không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Trước khi thụ lý tin báo và khởi tố vụ án bị cáo đã trả cho chị Đoàn Thị P tổng số tiền 3.335.000.000 đồng, chị Nguyễn Châu B số tiền 7.920.000.000 đồng, anh Trần Hồng A số tiền 910.000.000 đồng, chị Đinh Thị N số tiền 650.000.000 đồng, chị Phạm Thị N số tiền 85.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại như sau: Chị Đoàn Thị P 11.171.000.000 đồng; chị Bùi Lê Mai T 1.050.000.000 đồng, chị Nguyễn Châu B 410.000.000 đồng; anh Trần Hồng A 4.170.000.000 đồng; chị Đinh Thị N 830.000.000 đồng; chị Phạm Thị N 595.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T 760.000.000 đồng và chị Đỗ Thị T 330.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại là: 19.316.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh đã qua sử dụng, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim số 89840480003330819883 của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/5/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Đoàn Thị P 11.171.000.000 đồng (*mười một tỷ một trăm bảy mươi một triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Bùi Lê Mai T 1.050.000.000 đồng (*một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Nguyễn Châu B 410.000.000 đồng (*bốn trăm mười triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho anh Trần Hồng A 4.170.000.000 đồng (*bốn tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Đinh Thị N 830.000.000 đồng (*tám trăm ba mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Phạm Thị N 595.000.000 đồng (*năm trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 760.000.000 đồng (*bảy trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vũ Thị T phải bồi thường cho chị Đỗ Thị T 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Vũ Thị T 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu bạc đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 sim số 89840480003330819883.

Số vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 20/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 127.316.000 đồng (*một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại HN
- VKSND tỉnh TB;
- Công an tỉnh TB;
- Trại tạm giam CA tỉnh TB;
- Sở tư pháp tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đông Giang